

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 135/2025/HS-ST

Ngày: 10/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Quốc Hưng

2. Ông Võ Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 686/2024/HSST ngày 25 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1083/2025/QĐST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Nh, sinh năm 1980, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi thường trú: huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: khu phố Trường Lưu, phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Buôn bán; Cha: Phạm Văn H1 (chết); Mẹ: Nguyễn Thị S (chết); Vợ: Lý Ngọc Ng, sinh năm 1987.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 25/03/2022 bị Công an phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức xử phạt số tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Nhân thân: Ngày 05/9/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 359/2023/HSST. Ngày 17/12/2023, bị cáo Nh chấp hành xong hình phạt tù theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 183/2023/GCN của Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/12/2023, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn L (tên gọi khác: BD), sinh năm: 1958, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: khu phố Tam Đa, phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Nông dân; Cha: Lê Văn N (chết); Mẹ: Nguyễn Thị T (chết); Vợ: Huỳnh A, sinh năm 1983; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2023, đến ngày 06/8/2023 được cho tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa ngày 03/3/2025 và xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 10/3/2025.

3. Nguyễn Văn D, sinh năm: 1972, tại: An Giang; Nơi thường trú: xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; cư trú: phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Hòa Hảo; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Cha: Nguyễn Văn Th (chết); Mẹ: Nguyễn Thị Á, không rõ năm sinh; Vợ: Châu Thị Gi, sinh năm 1970; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2001. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2023, đến ngày 06/8/2023 được cho tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Văn H, sinh năm: 1984, tại: Bình Định; Nơi thường trú: Đội 6, Châu Thành, An Nhơn, Bình Định; Nơi cư trú: phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: phụ hồ; Cha: Trần Văn Đ (chết); Mẹ: Võ Thị L (chết); Vợ: Ngô Thị Xuân H; Con: Có 01 con sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2023, đến ngày 06/8/2023 được cho tại ngoại, có mặt.

5. Nguyễn Văn Th (tên gọi khác: Tám Đèo), sinh năm: 1974, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: khu phố Gò Công, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Cha: Nguyễn Văn Kh (chết); Mẹ: Lê Thị Đ1, sinh năm 1942; Vợ: Lê Thị Hồng G; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2023, đến ngày 06/02/2024 được cho tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn L và Nguyễn Văn D: Luật sư Phạm Bính Kh, sinh năm 1976 –Văn phòng Luật sư VT; Địa chỉ: Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Thái Văn C, sinh năm 1979;
Địa chỉ: phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 18/01/2023, Nguyễn Văn D và Trần Văn H có 02 con gà muốn đá ăn tiền nên Hải gọi điện thoại cho Lê Văn L kiếm người đá gà; Linh gọi cho Phạm Văn Nh thì Nhanh nói với Linh là đồng ý đá và kêu Linh nói với Dũng và Hải đến bãi đất trống dưới gầm cầu vượt cao tốc Long Thành – Dầu Giây đường Trường Lưu, phường Long Trường, thành phố Thủ Đức. Lúc này Dũng và Hải rủ thêm Nguyễn Nhựt Th và Nguyễn Nhựt T (con ruột D) đi theo. Sau khi Linh gọi cho Nhanh thì Nhanh gọi điện cho Nguyễn Văn Th (Tám Đèo) hỏi có đá gà không thì Thu đồng ý.

Dũng, Hải, Thành và Tiếng đến nơi hẹn thì Nguyễn Văn Th cũng đem 02 con gà đến và có Thái Văn C cùng nhiều người đến để tham gia đá gà nhưng chưa xác định được nhân thân chỉ biết tên Minh, Tuấn, Dớt, Nam, Linh và Công. Lê Văn L chuẩn bị 01 cây cân để cân gà, băng keo để cung cấp cho chủ gà băng cựa còn Nhanh đứng canh giới. Phạm Văn Nh và Lê Văn L thỏa thuận đứng ra tổ chức đá gà, tiền xâu chia đôi.

Trận thứ nhất: Dũng nói với Linh muốn đá trận này 2.000.000 đồng (Dũng 1.500.000 đồng; Hải 500.000 đồng), Linh báo lại với Thu nhưng Thu muốn đá 3.000.000 đồng (trong đó Thu hùn 500.000 đồng) thì Linh hỏi những người bên ngoài có ai theo 1.000.000 đồng nữa hay không thì có người thanh niên tên Linh hùn 1.000.000 đồng. Sau khi cấp độ xong, Linh nói trận này ai ăn Linh thu 200.000 đồng tiền xâu thì tất cả đồng ý. Lúc này Cường không tham gia hùn tiền đá gà bên Dũng hay bên Thu mà tự cá cược với người thanh niên (không rõ nhân thân) với số tiền 200.000 đồng. Trận này gà bên Thu thắng, nhóm của Dũng đã chung tiền cho Thu xong và Thu đã giao 200.000 đồng tiền xâu cho Linh. Cường bắt gà bên Dũng nên cũng thua 200.000 đồng.

Trận thứ hai: Dũng hùn 1.500.000 đồng, Hải hùn 500.000 đồng báo lại với Linh trận này đá 2.000.000 đồng, Linh báo lại với Thu thì Thu yêu cầu đá 5.000.000 đồng (trong đó Thu hùn 1.000.000 đồng) mới đồng ý đá. Tương tự Linh hỏi có ai theo gà bên Dũng cho đủ 5.000.000 đồng không thì đối tượng tên Minh hùn 1.000.000 đồng, Dớt hùn 500.000 đồng, Tuấn hùn 1.000.000 đồng và Nam hùn 500.000 đồng, tổng cộng đủ 5.000.000 đồng để đá với gà của Thu. Sau khi cấp độ xong, Linh nói trận này ai ăn Linh thu 300.000 đồng tiền xâu thì tất cả đồng ý. Tương tự, Cường cũng không tham gia hùn tiền đá gà bên Dũng hay bên Thu mà tự cá cược với người thanh niên (không rõ nhân thân) với số tiền 200.000 đồng. Trận này gà của nhóm Thu thắng, nhóm của Dũng chưa chung tiền cho Thu, Thu chưa đưa cho Linh 300.000 đồng, Cường đã chung 200.000 đồng do bắt gà bên Dũng thì bị Công an phường Long Trường phát hiện mời

được Nhanh, Thu, Dũng, Hải và Linh về làm việc, còn các đối tượng khác bỏ chạy thoát. Qua làm việc tất cả đều thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

* Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại A71; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại A5; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Plus; số tiền 27.850.000 đồng. Những tài sản nêu trên không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu.

- Số tiền 1.900.000 đồng trong đó thu giữ của Trần Văn H 400.000 đồng; Nguyễn Văn D 700.000 đồng; Thái Văn C 600.000 đồng và 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền xâu do Lê Văn L giao nộp.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme (thu giữ của bị cáo Lê Văn L); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 (thu giữ của bị cáo Trần Văn H); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel (thu giữ các bị cáo Nguyễn Văn D).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 52U-3343 thu giữ của Nguyễn Văn D. Qua xác minh, chiếc xe mô tô trên thuộc sở hữu của ông Trần Công Sáu theo Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0349173 ngày 17/3/2004, ông Sáu khai nhận chiếc xe trên đã được bán cho một người thanh niên không rõ lai lịch vào năm 2012, khi bán không làm thủ tục sang tên.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, biển kiểm soát 71S7-6499 thu giữ của Thái Văn C. Qua xác minh, chiếc xe mô tô trên thuộc sở hữu của ông Lư Văn Hiếu, ông Hiếu khai nhận chiếc xe trên đã được bán cho một người phụ nữ không rõ lai lịch vào năm 2016, khi bán không làm thủ tục sang tên.

- 01 cân đồng hồ loại 05 kg thu giữ của Lê Văn L; 01 cuộn băng keo và 02 cặp cựa gà bằng kim loại thu giữ của Nguyễn Văn D.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, các bị cáo Phạm Văn Nh, Lê Văn L, Nguyễn Văn D, Trần Văn H, Nguyễn Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 118/CT-VKSTPTĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Văn Nh về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Truy tố các bị cáo Lê Văn L, Trần Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Nh từ 01 (một) năm 6 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Lê Văn L, Trần Văn H, Nguyễn Văn D từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù giam.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo Phạm Văn Nh, Lê Văn L, Nguyễn Văn Th, Trần Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi theo cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Văn D khai: Theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và hồ sơ vụ án thể hiện địa chỉ thường trú của bị cáo ở Ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, thực tế hiện nay bị cáo đang cư trú tại Nhà không số, Đường 236, Ấp 4, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, có đăng ký tạm trú và xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Do đó đề nghị Hội đồng xem xét cho bị cáo được hưởng mức án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn L và bị cáo Nguyễn Văn D – Luật sư Phạm Bính Khiêm trình bày: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố về tội danh, tình tiết định khung hình phạt, tiền án, tiền sự, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L, bị cáo D. Thống nhất với mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng:

Bị cáo Nh đã biết lỗi của mình, cũng đã chấp hành hình phạt một thời gian nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo bị cáo D, bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện Kiểm sát và cho hưởng mức án treo để có điều kiện tự cải tạo, chăm lo cho gia đình.

Bị cáo Th đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được áp dụng hình phạt tiền hoặc được án treo để có điều kiện tự cải tạo và chăm lo cuộc sống gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Thái Văn C vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do. Xét việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn Hải là người bị nhiễm bệnh HIV, tuy nhiên bị cáo không phải hộ cận nghèo, không phải người đang được hưởng trợ cấp xã hội và có đơn từ chối trợ giúp pháp lý nên không thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29/6/2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng. Bên cạnh đó, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo H xác nhận không yêu cầu Luật sư bào chữa, từ chối trợ giúp pháp lý.

Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định: Vào sáng ngày 18/01/2023, tại bãi đất trống đường Trường Lưu, phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh Phạm Văn Nh cùng Lê Văn L đã tổ chức cho Nguyễn Văn Th, Trần Văn H, Nguyễn Văn D hai lần đánh bạc bằng hình thức đá gà với số tiền lần lượt là 6.000.000 (sáu triệu) đồng và 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Th, Trần Văn H và Nguyễn Văn D nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lê Văn L mặc dù có hành vi rủ rê, lôi kéo, tổ chức cho các con bạc tham gia đánh bạc nhưng trong quá trình điều tra truy tố không xác định rõ nhân thân lai lịch, không có lời khai của các đối tượng có tên Linh, Phốt, Nam, Tuấn, Công và Minh nên chưa có cơ sở xử lý Lê Văn L về tội “Tổ chức đánh bạc”; Lê Văn L phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Phạm Văn Nh có 01 (một) tiền sự: Ngày 25/03/2022 bị Công an phường Long Trường, thành phố Thủ Đức xử phạt số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 18/01/2023, bị cáo Nh chưa hết thời hạn được coi là không có tiền sự đã cùng với Lê Văn L tổ chức cho Nguyễn Văn Th, Trần Văn H và Nguyễn Văn D đánh bạc, do đó hành vi của Phạm Văn Nh đã phạm

vào tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố các bị cáo Phạm Văn Nh, Lê Văn L, Nguyễn Văn Th, Trần Văn H, Nguyễn Văn D là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

Đối với Thái Văn C đem theo 1.000.000 (một triệu) đồng để tham gia đánh bạc nhưng không tham gia chung với các bị cáo mà cá cược riêng với đối tượng khác bên ngoài và đã thua hết 400.000 đồng. Xét thấy hành vi đánh bạc của Cường không đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự. Đồng thời Cường không có tiền án, tiền sự nên hành vi không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra chuyển xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với các đối tượng tên Minh, Nam, Công, Dốt, Linh, Tuấn và một số đối tượng khác có tham gia đánh bạc nhưng không rõ nhân thân nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Nhựt Thành, Nguyễn Nhựt Tiếng, Lê Duy Tân, Trần Văn Tuấn, Nguyễn Thanh Nam, Huỳnh Thị Huyền, Lê Thị Ngọc Anh, Lê Trương Minh Yên và Nguyễn Minh Tuấn, quá trình điều tra xác định không tham gia đánh bạc nên không xem xét xử lý.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Phạm Văn Nh, Lê Văn L, Nguyễn Văn Th, Trần Văn H, Nguyễn Văn D 02 (hai) lần thực hiện hành vi đánh bạc. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Phạm Văn Nh, ngày 05/9/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 359/2023/HSST. Tuy nhiên, bản án nêu trên xét xử bị cáo Phạm Văn Nh về hành vi đánh bạc diễn ra vào ngày 02/02/2023 (hành vi diễn ra sau hành vi trong vụ án này). Do đó, không xác định hành vi phạm tội bị xét xử theo Bản án hình sự sơ thẩm số 359/2023/HSST ngày 05/9/2023 là tiền án, chỉ xác định đây là nhân thân.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Phạm Văn Nh: Trong quá trình điều tra truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn D: Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, vợ là chị Châu Thị Giúp bị tai biến, xuất huyết não, không có khả năng lao động và cần sự hỗ trợ từ chồng là bị cáo D trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đối với bị cáo Trần Văn H: Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, bị cáo là người mắc bệnh HIV (Trung tâm y tế thành phố Thủ Đức xác nhận ngày 01/11/2023); quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đối với bị cáo Lê Văn L: Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tích cực hợp tác với các cơ quan có trách nhiệm trong việc giải quyết vụ án, bị cáo đang điều trị bệnh và gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Th: Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là lao động chính trong gia đình (có xác nhận của chính quyền địa phương). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5]. Đánh giá tính chất hành vi phạm tội và hình phạt đối với các bị cáo:

Trong vụ án này, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất giản đơn, nhất thời; không có sự bàn bạc, rủ rê nhau đánh bạc từ trước. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý của Nhà nước và là nguy cơ dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ đánh bạc là tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm nhưng lười lao động, muốn có tiền nhanh để tiêu xài nên đã cố ý thực hiện hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền. Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối các bị cáo.

- Đối với bị cáo Phạm Văn Nh: Bị cáo Nh từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm gương mà tiếp tục lôi kéo, rủ rê các con bạc tham gia đánh bạc. Số tiền bị cáo Th lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc là 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật, do đó cần phải cách ly bị cáo Nh ra khỏi xã hội một thời gian

mới có tác dụng giáo dục cải tạo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Khi lượng hình, cần xem xét mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo Nh.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn D: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú ổn định, hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, vợ là chị Châu Thị Giúp bị tai biến, xuất huyết não, liệt ½ người bên trái, không có khả năng lao động và cần sự hỗ trợ sinh hoạt của bị cáo D. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, có khả năng tự cải tạo. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo D ra khỏi xã hội, cho bị cáo D được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước và pháp luật.

- Đối với bị cáo Trần Văn H: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú ổn định, là người bị bệnh HIV, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, có khả năng tự cải tạo. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo H ra khỏi xã hội, cho bị cáo H được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước và pháp luật.

- Đối với bị cáo Lê Văn L: Trong vụ án nêu trên, số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội không quá lớn (100.000 đồng). Mặc dù bị cáo có đơn trình bày nguyện vọng đề nghị Hội đồng xem xét áp dụng hình phạt tiền, bị cáo làm đơn đề nghị Tòa án phong tỏa tài khoản ngân hàng để đảm bảo việc thi hành án sau này. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo L là người đứng ra rủ rê người khác tham gia đánh bạc. Mặt khác, bị cáo L cùng bị cáo Nh tổ chức đánh bạc và phân công bị cáo Nh cảnh giới, còn bị cáo L trực tiếp cấp độ nhận tiền của người thắng bạc. Do đó, không có căn cứ áp dụng mức xử phạt hình phạt tiền đối với bị cáo L mà phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn mới đủ sức đánh giá được mức độ vai trò thực hiện hành vi của bị cáo L. Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát cho bị cáo L được tại ngoại đến nay bị cáo L chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định tại địa phương, không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, hành vi phạm tội của bị cáo Thộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo L ra khỏi xã hội, cho bị cáo L được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước và pháp luật.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Th: Kể từ khi được tại ngoại đến nay bị cáo Th chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định tại địa phương, không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, có công việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, hành vi phạm tội của bị cáo Thộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là lao động chính trong gia đình (có xác nhận của chính quyền địa phương) và bị cáo có đơn trình bày nguyện vọng đề nghị Hội đồng xem xét áp dụng hình phạt tiền, bị cáo làm đơn đề nghị Tòa án phong tỏa tài

khoản ngân hàng để đảm bảo việc thi hành án sau này; tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo có mong muốn được hưởng mức án treo. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra, khi bị khởi tố vụ án và khởi tố bị can bị cáo Th đã bỏ trốn và bị Công an thành phố Thủ Đức phát lệnh truy nã, sau đó bị bắt theo lệnh truy nã. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã ra quyết định thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Theo quy định tại Điều 32 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì hình thức phạt tiền là thấp hơn hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo Th thuộc trường hợp không cho hưởng án treo nên nguyện vọng của bị cáo Th về việc được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền hoặc được hưởng án treo là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, cần phải áp dụng hình cách ly bị cáo Th ra khỏi xã hội một thời gian mới phù hợp với quy định pháp luật.

Do các bị cáo đều là người lao động thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Xét ý kiến của Người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn L, Nguyễn Văn D – Luật sư Phạm Bình Khiêm là phù hợp nên có căn cứ để chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về biện pháp tư pháp:

- Bị cáo Phạm Văn Nh và Lê Văn L thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc là 100.000 đồng/người (tiền xâu trộn đá gà thứ nhất, trộn thứ hai Linh và Nhanh chưa được nhận). Bị cáo L đang bị tạm giữ số tiền 200.000 đồng tại Cơ quan cảnh sát điều tra. Tại phiên tòa bị cáo L khai số tiền trên là tiền xâu trộn thứ nhất của Linh và Nhanh. Do đó, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn D sử dụng 3.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Xét thấy đây là số tiền bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo D đang bị tạm giữ số tiền 700.000 đồng tại Cơ quan cảnh sát điều tra. Do đó, buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp thêm vào ngân sách nhà nước số tiền 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng, được cân trừ vào số tiền đã tạm nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Bị cáo Trần Văn H sử dụng 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Xét thấy đây là số tiền bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo H đang bị tạm giữ số tiền 400.000 đồng tại Cơ quan cảnh sát điều tra. Do đó, buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp thêm vào ngân sách nhà nước số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, được cân trừ vào số tiền đã nộp.

- Bị cáo Nguyễn Văn Th sử dụng và thu lợi bất chính từ việc đánh bạc tổng cộng 3.000.000 đồng. Do đó, buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng, được căn trừ vào số tiền đã nộp.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 1.900.000 (một triệu chín trăm nghìn) đồng, trong đó thu giữ của Trần Văn H 400.000 đồng; Nguyễn Văn D 700.000 đồng, Thái Văn C 600.000 đồng và 200.000 đồng tiền xâu do Lê Văn L giao nộp. Xét thấy, đây là số tiền các con bạc dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel. Xét thấy đây là phương tiện các bị cáo L, Hải, Dũng liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 52U-3343. Xét thấy, người đứng tên trên giấy đăng ký mô tô, xe máy là ông Trần Công Sáu khai nhận đã bán cho một người thanh niên không rõ lai lịch; đây là phương tiện Nguyễn Văn D sử dụng để chở Trần Văn H đi đánh bạc. Do đó, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, biển kiểm soát 71S7-6499. Xét thấy, người đứng tên trên giấy đăng ký mô tô, xe máy là ông Lư Văn Hiếu khai nhận đã bán cho một người phụ nữ không rõ lai lịch năm 2016; đây là phương tiện Thái Văn C sử dụng để đi tới địa điểm đánh bạc, có tham gia đánh bạc nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 cân đồng hồ loại 05 kg; 01 cuộn băng keo và 02 cặp cựa gà bằng kim loại. Xét thấy, đây là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9]. Về việc thi hành án đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 300/2024/HS-ST ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức: Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hủy toàn bộ và giao lại cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử lại sơ thẩm nên cần xem xét giải quyết việc thi hành án của bản án nêu trên. Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm (ngày 25/6/2024) chỉ có bị cáo Nguyễn Văn D kháng cáo, các bị cáo khác là Nhanh, Linh, Hải, Thu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Thái Văn C không kháng cáo và các nội dung quyết định đã có hiệu lực đối với Nhanh, Linh, Hải, Thu, Cường nên đã tiến hành xong việc thi hành án các nội dung của Quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 300/2024/HS-ST ngày 25/6/2024 (theo kết quả cung cấp tài liệu của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức).

Do không áp dụng mức hình phạt tiền đối với bị cáo L và bị cáo Th nên cần phải hoàn trả lại bị cáo L và Thu mỗi người 40.000.000 đồng tiền đã thi hành án của bản án sơ thẩm đã bị hủy theo Biên lai thu tiền nộp Ngân sách Nhà nước số 0010064 ngày 10/10/2024 (của bị cáo L) và liệt kê nội dung “2773-04/9/2024 Nguyễn Văn Th (CHV Lợi); Quyết định thi hành án 7124QD/24 ngày 15/8/2024” theo Bảng kê các khoản tiền nộp ngân sách nhà nước số S24/2508C lập ngày 06/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

1.1. Căn cứ Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Nh phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

1.2. Căn cứ Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Nguyễn Văn Th, Trần Văn H, Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn Nh** 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2023.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn H** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo **Lê Văn L** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Văn H, Lê Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (bị cáo H, bị cáo D, bị cáo L) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được cho hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

2.3. Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ đi khoảng thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến ngày 06/02/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 1.900.000 (một triệu chín trăm nghìn) đồng trong đó của Trần Văn H 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng; Nguyễn Văn D 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng; Thái Văn C 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng; Lê Văn L 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền xu do Lê Văn L giao nộp.

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel.

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 52U-3343, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, biển kiểm soát 71S7-6499.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 cân đồng hồ loại 05 kg; 01 cuộn băng keo và 02 cặp cựa gà bằng kim loại.

(Theo Phiếu nhập kho số: NK24/189C và Biên bản giao nhận tang tài vật ngày 02/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức; Phiếu hạch toán giao dịch khách hàng ngày 01/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức nộp vào Kho bạc nhà nước thành phố Thủ Đức tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam).

4. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền đã thu giữ của bị cáo D là

700.000 (bảy trăm nghìn) đồng và số tiền 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng bị cáo D đã nộp theo Biên lai số 0080425 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo D đã thực hiện xong.

- Buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền đã thu giữ của bị cáo H là 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng và số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng bị cáo H đã nộp theo Biên lai thu tiền nộp ngân sách nhà nước số 0002650 ngày 22/8/2024, bị cáo H đã thực hiện xong.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng bị cáo Th đã nộp theo liệt kê nội dung “10002-27/9/2024, kết chuyển hoàn tạm ứng án phí vụ Nguyễn Văn Th, chv Lợi; Quyết định thi hành án 7124QD/24 ngày 15/8/2024” theo Bảng kê các khoản tiền nộp ngân sách nhà nước số PC24/2508C lập ngày 06/9/2024 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Th đã thực hiện xong.

5. Hoàn trả lại bị cáo Lê Văn L và Nguyễn Văn Th mỗi người 40.000.000 đồng tiền đã nộp thi hành án của bản án sơ thẩm đã bị hủy theo Biên lai thu tiền nộp Ngân sách Nhà nước số 0010064 ngày 10/10/2024 (của bị cáo L) và liệt kê nội dung “2773-04/9/2024 Nguyễn Văn Th (CHV Lợi); Quyết định thi hành án 7124QD/24 ngày 15/8/2024” theo Bảng kê các khoản tiền nộp ngân sách nhà nước số S24/2508C lập ngày 06/9/2024 (của bị cáo Th) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Văn Nh, Lê Văn L, Nguyễn Văn Th, Trần Văn H, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nh được trừ vào số tiền án phí đã đóng 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo liệt kê nội dung “39770-30/9/2024, Phạm Văn Nh, CHV Lợi; Quyết định thi hành án 7125QD/24 ngày 15/8/2024” theo Bảng kê các khoản tiền nộp ngân sách nhà nước số PC24/686C của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nh đã thực hiện xong việc đóng án phí.

Bị cáo L được trừ vào số tiền án phí đã đóng 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí số 0039982 ngày 18/10/2024, bị cáo L đã thực hiện xong việc đóng án phí.

Bị cáo H được trừ vào số tiền án phí đã đóng 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí số 0038775 ngày 22/8/2024, bị cáo H đã thực hiện xong việc đóng án phí.

Bị cáo Th được cản trừ vào số tiền án phí đã đóng 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo liệt kê nội dung “39562-11/9/2024, Nguyễn Văn Th (CHV Lợi); Quyết định thi hành án 7124QD/24 ngày 15/8/2024” theo Bảng kê các khoản tiền nộp ngân sách nhà nước số S24/2527C lập ngày 11/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Th đã thực hiện xong việc đóng án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo Phạm Văn Nh, Nguyễn Văn Th, Trần Văn H, Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Lê Văn L; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Thái Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn D rõ; người bào chữa của bị cáo Lê Văn L đã được giải thích và cam kết sẽ giải thích lại cho bị cáo L rõ).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tăng Nhơn Phú A;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP. Hồ Chí Minh ;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương